

# CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH MINH VIỆT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH MINH VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH VIET BUILDING ARCHITECTURE AND DESIGN WORKS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MIVIT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107117667

3. Ngày thành lập: 16/11/2015

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592        |
| 2.  | Khai thác dầu thô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0610        |
| 3.  | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0620        |
| 4.  | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0710        |
| 5.  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>Chi tiết:<br>Khai thác quặng bôxít<br>Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.                                                                                                                                                                                                                                 | 0722        |
| 6.  | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0730        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0910        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh | 4663        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3320        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                              | 4210 |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                           | 4220 |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công, đập và đê; xây dựng các công trình điện đến 110KV; xây dựng các công trình cấp thoát nước;                              | 4290 |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311 |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                      | 4312 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                        | 4322 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                              | 4329 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,<br>+ Đào ống thông vào hầm mỏ;               | 4390 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); | 4659 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)     | 8299 |

|     |                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động kiến trúc<br>Hoạt động đo đạc bản đồ<br>Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước | 7110 |
| 24. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm tra, giám sát công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi;                               | 7120 |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                     | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 12.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CÔNG THI | Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 6.000.000.000         | 50,00    | 011656064                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN CÔNG ÍCH | Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 3.600.000.000         | 30,00    | 013313115                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ TÚ   | Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 2.400.000.000         | 20,00    | 011656093                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN CÔNG ÍCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Ngày sinh: 09/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013313115

Ngày cấp: 24/07/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội